

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HC-ST

Ngày: 25/6/2024.

V/v “Khiếu kiện quyết định hành  
chính về giải quyết khiếu nại”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trương Thị Thu Hà

2. Bà Lê Thị Mỹ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*  
Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/2024/TLST-HC ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐST-HC ngày 10/6/2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: 6, tổ C, ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P; địa chỉ: số C, đường T, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Văn Quang C - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện P, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 162/GUQ-UBND ngày 16/5/2024); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Lữ đoàn đặc công 429; địa chỉ: xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Đào Xuân D, chức vụ: Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn đặc công 429, là người đại diện theo pháp luật; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Người khởi kiện trình bày:*

Từ năm 2000 - 2002, ông Lê Văn T cùng 6 người dân khác có thực hiện khai hoang đất hoặc mua lại đất đã khai hoang để trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Việc khai hoang đất hay mua bán đất đều có xác nhận của ban ấp tại địa phương. Thời điểm khai hoang, đất là đất rừng rậm rạp, khi khai hoang, ông T cùng một số hộ dân khác có hỏi người dân địa phương xung quanh về nguồn gốc đất và đều được xác nhận thời điểm ông T khai hoang đất chưa có ai sử dụng và không có tranh chấp. Cứ thế, sau khi khai hoang ông T đã sử dụng đất ổn định để trồng các loại cây lâu năm (cây cao su, cây điều...).

Đến tháng 10/2002, Lữ đoàn đặc công 429 cho rằng phần đất mà ông T đang sử dụng là đất của Lữ đoàn. Vì thế buộc ông T phải ký hợp đồng giao khoán đất trả tiền thuê đất hàng năm. Do trong tình thế, là cán bộ, chiến sĩ của Lữ đoàn lúc bấy giờ nên ông T cũng đồng ý ký hợp đồng khoán.

Sau này, trong quá trình sử dụng đất, ông T tình cờ được biết phần đất mà Lữ đoàn đặc công 429 buộc ông T ký hợp đồng thuê không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Lữ đoàn. Xen kẽ với phần đất mà 7 hộ dân ông T đã khai hoang có 2 thửa đất của hai hộ gia đình khác đã được Lữ đoàn xác nhận không phải đất của mình và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó đến nay, ông T đã nhiều lần làm đơn đề nghị Lữ đoàn đặc công 429 xác nhận lại nguồn gốc đất cho ông T nhưng không được chấp thuận.

Ngày 9/3/2017, UBND tỉnh B đã có Công văn số 734/UBND-KTN trả lời về việc cho thuê đất của Lữ đoàn đặc công 429 như sau: “Việc Lữ đoàn đặc công 429 ký hợp đồng giao khoán với 06 hộ gia đình, cá nhân để hợp tác kinh doanh, sản xuất với diện tích 11,2 ha là không phù hợp với pháp luật đất đai qua các thời kỳ; Yêu cầu Lữ đoàn đặc công 429 thanh lý các hợp đồng đã ký kết với các hộ gia đình, cá nhân và thiết lập quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích nêu trên; Đồng thời, liên hệ Sở T2 để được hướng dẫn lập thủ tục thuê đất theo quy định...”. Theo đó, phía Lữ đoàn đã tiến hành thanh lý các hợp đồng thuê khoán đất với ông T theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, việc xác nhận nguồn gốc đất cho ông T thì Lữ đoàn không thực hiện.

Đến ngày 14/9/2017, Dự án giải phóng mặt bằng đường tạo lực B - P - B được phê duyệt theo Quyết định số 2453/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh B. Một phần đất trong từng thửa của 7 hộ gia đình thuộc đất phải thu hồi để thực hiện dự án.

Tổng diện tích đất bị thu hồi của cả 7 hộ dân là 13.678,5 m. Căn cứ theo dự án đã phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Bảng áp giá số 197/BAG ngày 22/3/2022 thể hiện các tài sản trên đất bị thu hồi và đơn giá của tài sản.

Căn cứ theo bảng áp giá này, trên đất thu hồi có 86 cây cao su trồng năm 2006 là tài sản của tôi có tổng giá trị là 41.194.000 đồng bốn mươi một triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tính theo đơn giá của Bảng áp giá

197/BAG ngày 22/3/2022. Nhưng do xác định đất của Lữ đoàn đặc công 429 nên số tiền ông T được bồi thường là 0 đồng.

Đến ngày 24/5/2022, UBND huyện P ban hành Quyết định thu hồi đất số 432/QĐ-UBND. Theo nội dung quyết định, người có đất bị thu hồi là Lữ đoàn đặc công 429.

Không đồng ý với các quyết định hành chính nêu trên, ngày 26/6/2022, 07 hộ dân đã có đơn khiếu nại gửi chủ tịch UBND huyện P yêu cầu huỷ quyết định hành chính số 432/QĐ-UBND, đề nghị ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường đất và tài sản trên đất thu hồi cho 7 hộ dân.

Đến ngày 12/8/2022, 07 hộ dân nhận được Thông báo số 175/TB-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, ngày 19/8/2022 ông T đã khởi kiện đến Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết huỷ thông báo trái pháp luật trên của Chủ tịch UBND huyện P.

Sau khi bản án có hiệu lực chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngày 16/10/2023, Chủ tịch UBND huyện P đã thực hiện thụ lý giải quyết khiếu nại cho ông T theo Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại số 142/TB-UBND ngày 7/6/2023. Sau thời gian giải quyết khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định hành chính giải quyết khiếu nại cho từng cá nhân 7 người. Theo đó, Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho ông T là Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T.

Căn cứ theo nội dung quyết định trên, chủ tịch UBND huyện P xác định Lữ đoàn đặc công 429 mới là người sử dụng đất chứ không phải tôi nên chủ tịch UBND huyện P đã không chấp nhận khiếu nại và cho rằng việc không thực hiện bồi thường tài sản trên đất cho tôi là phù hợp. Việc này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chính đáng của tôi. Quyết định hành chính trên do chủ tịch UBND huyện P ban hành là quyết định hành chính trái pháp luật, bởi xét thấy:

Việc xác định phần đất bị thu hồi có thuộc quyền quản lý, sử dụng của Lữ đoàn hay không phải căn cứ theo các giấy tờ về quyền sử dụng đất của Luật Đất đai qua các thời kỳ. Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Lữ đoàn không bao gồm phần đất bị thu hồi. Ủy ban nhân dân huyện P cho rằng việc xác định đất thuộc Lữ đoàn, bởi theo hồ sơ địa chính năm 2000 bao gồm sổ mục kê, sổ dã ngoại kèm theo bản đồ địa chính chính quy xác lập tháng 6/2000 Lữ đoàn đã đăng ký phần đất bị thu hồi.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 14 Luật Khiếu nại 2011 quy định người giải quyết khiếu nại lần đầu có nghĩa vụ: “Cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại khi người khiếu nại yêu cầu”. Tuy nhiên, trong toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại và quá trình xét xử tại Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương trước đó, Ủy ban huyện P không cung cấp được bất kỳ giấy tờ gì để

chứng minh cho nguồn gốc đất thuộc Lữ đoàn như đã nêu trong các văn bản trả lời.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 29 Luật Khiếu nại 2011, việc xác minh để đưa ra kết luận giải quyết khiếu nại phải bảo đảm khách quan, chính xác, kịp thời. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện P cho rằng đã xác minh nguồn gốc đất thông qua các công văn trả lời từ các cơ quan tham mưu, công văn trả lời của Chủ tịch UBND tỉnh B và khẳng định đất thuộc sở hữu của Lữ đoàn là chưa đầy đủ. Nếu đất thuộc Lữ đoàn thì vì sao xen kẽ với đất của 7 hộ dân vẫn có những hộ làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất?

Việc Chủ tịch UBND huyện P kết luận không bồi thường đất cho tôi căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai: “Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” là không có cơ sở. Việc khai hoang sử dụng đất của tôi đã được thực hiện từ 24/02/2002 đến nay trước thời điểm có dự án và thông báo thu hồi đất từ rất lâu.

Do việc xác minh, giải quyết khiếu nại của các cơ quan nhà nước không thực sự khách quan, toàn diện. Đến nay tôi vẫn chưa thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất thực tế tôi đã khai hoang, sử dụng. Song, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai hiện hành quy định: “Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”. Và tại khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai quy định về nguyên tắc bồi thường đối với tài sản trên đất như sau: “Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường”.

Căn cứ theo các quy định trên, ông T hoàn toàn đủ điều kiện để được bồi thường về cả đất và tài sản trên đất theo quy định pháp luật. Từ tất cả các căn cứ trên thể hiện quyết định hành chính mà Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành không công nhận khiếu nại của ông T là quyết định hành chính trái pháp luật, gây xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích chính đáng của ông T.

Do đó, ông T làm đơn này, kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết:

- Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10 2023 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện P chấp nhận khiếu nại của ông Lê Văn T theo đúng quy định pháp luật.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện P bồi thường thiệt hại cho Lê Văn T số tiền 41.194.000 đồng là số tiền mà ông T sẽ được nhận căn cứ theo Bảng áp giá số 197/BAG ngày 22/3/2022 nhưng do quyết định hành chính trái pháp luật trên

dẫn đến ông T không được nhận phần tiền đền bù này. Riêng về giá trị đất mà ông T bị thu hồi để phục vụ làm đường ông T sẽ khởi kiện vụ kiện khác để yêu cầu giải quyết.

*\* Tại bản tường trình của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện P trình bày:*

1. Về nguồn gốc đất và đối tượng có đất thu hồi.

Lữ đoàn đặc công 429 quản lý, sử dụng đất từ ngày 31/12/1993. Năm 2002 Lữ đoàn đặc công 429 giao khoán đất cho 25 hộ gia đình, cá nhân để tăng gia sản xuất. Phần đất thu hồi có diện tích là 13.678,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 422 và một phần thửa đất số 458, tờ bản đồ số 47 tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc là đất do Lữ đoàn đặc công 429 giao khoán đất sản xuất cho các cá nhân để tăng gia sản xuất. Trong đó có ông Lê Văn T được Lữ đoàn Đặc công 429 giao khoán đất diện tích 1,5ha theo Hợp đồng giao khoán đất số 06/HĐ-HC ngày 01/10/2002. Sau khi đo đạc xác định mốc giới khu đất có diện tích 1,7ha theo Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT ngày 19/3/2009 về việc điều chỉnh hợp đồng giao và nhận khoán đất sản xuất. Hợp đồng kinh tế liên doanh đất sản xuất (gia hạn) số: 24/HĐ-KT ngày 14/11/2012 (hết hạn ngày 01/11/2017). Lữ đoàn đặc công 429 ban hành Thông báo số 04/TB-LĐ ngày 31/5/2017 về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán đất sản xuất.

Theo Công văn số 734/UBND-KTN ngày 09/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc quản lý sử dụng đất của Lữ đoàn đặc công 429 tại xã T, huyện P, có nội dung: “Việc Lữ đoàn đặc công 429 ký hợp đồng giao khoán với 07 hộ gia đình, cá nhân để hợp tác kinh doanh, sản xuất với diện tích 11,2ha là không phù hợp với pháp luật đất đai qua các thời kỳ; Yêu cầu Lữ đoàn đặc công 429 thanh lý các hợp đồng đã ký kết với các hộ gia đình, cá nhân và thiết lập quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích nêu trên; Đồng thời, liên hệ Sở T2 để được hướng dẫn lập thủ tục thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Đất đai năm 2013”.

Theo Công văn số 5437/UBND-KTN ngày 30/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử lý kiến nghị của các hộ dân liên quan đến khu đất của Lữ đoàn đặc công 429 tại xã T, huyện P, có nội dung: “Việc kiến nghị của 06 hộ gia đình, cá nhân nêu trên là không có cơ sở giải quyết. Lý do: Khu đất 06 hộ gia đình, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Lữ đoàn đặc công 429 quản lý, sử dụng đã được đăng ký hồ sơ địa chính năm 2000 (số mục kê, sổ dã ngoại kèm theo bản đồ địa chính chính quy xác lập tháng 06/2000). Việc 06 hộ gia đình, cá nhân thỏa thuận giao khoán liên doanh đất sản xuất với Lữ đoàn đặc công 429 là thỏa thuận dân sự, không phù hợp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

Từ những nội dung nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P nhận thấy đối tượng quản lý, sử dụng đất là Lữ đoàn đặc công 429. Kể từ ngày 01/6/2017 thì các hợp đồng không còn giá trị pháp lý nhưng các cá nhân không hợp tác thanh lý hợp đồng, không trả lại đất nên Lữ đoàn Đặc công 429 vẫn

chưa thực hiện được việc thanh lý hợp đồng. Do đó, từ ngày 01/6/2017 đến nay các tài sản gắn liền với đất ông Lê Văn T không thanh lý, không trả lại đất cho Lữ đoàn đặc công 429 là trái với quy định của pháp luật.

## 2. Về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Thông báo thu hồi đất số 751/TB-UBND ngày 01/12/2020 để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng công trình đường T - P - B, đoạn đi qua địa bàn huyện P và ban hành Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc thu hồi đất do Lữ đoàn đặc công 429, địa chỉ: trụ sở tại xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương là đúng theo quy định của pháp luật, vì:

+ Lữ đoàn đặc công 429 quản lý, sử dụng đất từ năm 1993 và đã được đăng ký hồ sơ địa chính năm 2000 (sổ mục kê, sổ dã ngoại kèm theo bản đồ địa chính chính quy xác lập tháng 06/2000).

+ Thẩm quyền thu hồi đất thực hiện theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện Thông báo thu hồi đất và Quyết định thu hồi đất đối với các đối tượng thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Ủy ban nhân dân huyện P không có cơ sở xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 41.194.000 đồng (86 cây cao su trồng năm 2006) cho ông Lê Văn T, vì:

+ Đối tượng quản lý sử dụng đất là Lữ đoàn đặc công 429.

+ Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái với quy định của pháp luật. (Thông báo chấm dứt hợp đồng giao khoán đất sản xuất ban hành trước thời điểm ban hành thông báo thu hồi đất).

## 3. Về giải quyết khiếu nại.

Ngày 08/9/2023, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện C cùng các ngành chức năng có liên quan tổ chức đối thoại với ông Phan Hòa N (đại diện người khiếu nại). Tại buổi đối thoại, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện và các ngành đã giải thích việc ông Lê Văn T yêu cầu bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu) đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

## 4. Ý kiến và yêu cầu của người bị kiện.

Từ những nội dung nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P nhận thấy các Quyết định mà Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bác toàn bộ nội dung khởi kiện của Lê Văn T.

*\* Tại văn bản trình bày ý kiến của người liên quan trình bày:*

1. Về nguồn gốc khu đất:

- Khu đất tại ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương do Lữ đoàn đặc công 429 đang quản lý, được UBND tỉnh S cũ (nay là tỉnh Bình Dương) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B642142 ngày 31/12/1993.

- Địa điểm khu đất: ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Mục đích sử dụng: tăng gia sản xuất.

Thời hạn: 40 năm (từ 31/12/1993 đến 31/12/2033)

Tổng diện tích: 2.306.875m<sup>2</sup>.

Năm 2002, Lữ đoàn giao khoán đất và ký hợp đồng liên doanh sản xuất với 25 hộ dân để tăng gia sản xuất toàn bộ khu đất nói trên. Quá trình liên doanh, hợp đồng điều chỉnh và gia hạn lại lần 1, năm 2009; lần 2, năm 2012, trong đó có ông Lê Văn T.

2. Đối với nội dung liên quan đến ông Lê Văn T:

Ông Lê Văn T ký hợp đồng giao khoán đất số: 06/HĐ-HC ngày 01/10/2002 với Lữ đoàn, diện tích 1,5ha. Sau khi đo đạc xác định ranh giới khu đất là 1,7ha theo hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT ngày 19/3/2009 về việc điều chỉnh hợp đồng thuê khoán và nhận khoán đất sản xuất. Từ 01/11/2017, hợp đồng liên doanh đất của ông Lê Văn T hết hạn. Tuy nhiên, ông Lê Văn T không thanh lý hợp đồng và không trả đất cho Lữ đoàn.

Yêu cầu của ông Lê Văn T hủy quyết định 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đ62ng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 của ông Lê Văn T nộp tại Tòa án ngày 18/01/2024 nên xác định đơn khởi kiện còn trong thời hạn luật định. Hình thức

và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 118 Luật Tố tụng hành chính nên thuộc trường hợp thụ lý đơn khởi kiện.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Xác định đây là vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Xét thấy, người đại diện hợp pháp của người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2, Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 24/5/2022, UBND huyện P ban hành quyết định số 432/QĐ-UBND thu hồi 13.678,5m<sup>2</sup> đất của Lữ đoàn đặc công 429, địa chỉ: trụ sở tại xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương đang sử dụng. Theo nội dung Điều 3 của quyết định thì Ủy ban nhân dân Xã T phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Dương thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi.

Không đồng ý với quyết định hành chính nêu trên vì tài sản trên đất của mình quản lý, sử dụng không được bồi thường, ông Lê Văn T cùng 06 hộ dân nhận thuê đất của Lữ đoàn đặc công 429 có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện P yêu cầu huỷ một phần Quyết định hành chính số 432/QĐ-UBND ngày 24/5/2022, đề nghị ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường đất và tài sản trên đất thu hồi cho ông Lê Văn T và 6 người. Các nội dung còn lại của đơn khiếu nại thì không yêu cầu giải quyết.

[2.2] Ngày 16/10/2023, chủ tịch UBND huyện P đã thực hiện thụ lý giải quyết khiếu nại theo Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại số 142/TB-UBND ngày 26/6/2023. Sau thời gian giải quyết khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định hành chính giải quyết khiếu nại cho từng cá nhân (7 người). Theo đó, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 đối với ông Lê Văn T với nội dung là không công nhận nội dung khiếu nại của ông Lê Văn T yêu cầu bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất, lý do:

- + Đối tượng quản lý, sử dụng đất là Lữ đoàn Đặc công 429.
- + Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái với quy định của pháp luật. (Thông báo chấm dứt hợp đồng giao khoán đất sản xuất ban hành trước thời điểm ban hành thông báo thu hồi đất).
- + Việc thỏa thuận giao khoán liên doanh đất sản xuất giữa Lữ đoàn Đặc công 429 với ông Lê Văn T và 6 hộ gia đình là thỏa thuận không phù hợp với khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai.



[2.3] Thông báo số: 04/TB-LĐ ngày 31/5/2017 về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán đất sản xuất của Lữ đoàn đặc công 429 xác định chấm dứt hợp đồng giao khoán đất sản xuất vô điều kiện mà không bồi thường cho Lê Văn T vì còn nợ tiền 34.000.000 đồng, tính đến tháng 12/2016, do: vi phạm điểm c khoản 01 Điều 5 của hợp đồng giao khoán đất sản xuất.

[3] Xét các quyết định bị khởi kiện:

[3.1] Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T.

[3.1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Sau khi xem xét đơn khiếu nại đề ngày 26/6/2022 của ông Lê Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất, bồi thường đất và tài sản trên đất đối với Lữ đoàn 429. Ông Lê Văn T chỉ khiếu nại phần giải quyết bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất của quyết định nói trên còn các nội dung còn lại của quyết định thì không yêu cầu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P cho tiến hành thủ tục xác minh, đối thoại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số: 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023.

Việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[3.1.2] Về tính căn cứ hợp pháp của quyết định:

Lữ đoàn đặc công 429 quản lý, sử dụng đất từ ngày 31/12/1993. Năm 2002 Lữ đoàn đặc công 429 giao khoán đất cho 25 hộ gia đình, cá nhân để tăng gia sản xuất. Phần đất thu hồi có diện tích là 13.678,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 422 và một phần thửa đất số 458, tờ bản đồ số 47 tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc là đất do Lữ đoàn đặc công 429 giao khoán đất cho các cá nhân để tăng gia sản xuất. Trong đó, Lữ đoàn đặc công 429 giao khoán đất diện tích 1,5ha theo Hợp đồng giao khoán đất số 06/HĐ-HC ngày 01/10/2002 cho ông Lê Văn T. Sau khi đo đạc xác định mốc giới thực tế khu đất có diện tích là 1,7ha theo Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT ngày 19/3/2009 về việc điều chỉnh hợp đồng giao và nhận khoán đất sản xuất. Hợp đồng kinh tế liên doanh đất sản xuất (gia hạn) số 24/HĐKT ngày 14/11/2012 hết hạn ngày 01/11/2017. Lữ đoàn đặc công 429 ban hành Thông báo số 04/TB-LĐ ngày 31/5/2017 về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán đất sản xuất. Như vậy, việc cá nhân ông Lê Văn T thỏa thuận giao khoán liên doanh đất sản xuất với Lữ đoàn đặc công 429 là thỏa thuận dân sự, không phù hợp theo quy định của pháp luật về đất đai và đã chấm dứt hợp đồng như đã nêu trên. Cho nên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại của ông Lê Văn T yêu cầu bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 là có căn cứ.

[3.2] Xét yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện P bồi thường thiệt hại số tiền 41.194.000 đồng (bốn mươi một triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo Bảng áp giá số 197/BAG ngày 22/3/2022 thấy rằng:

Đối tượng bị thu hồi đất theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện P là Lũr đoàn đặc công 429. Tài sản trên đất, gắn liền với đất được tạo lập trái với quy định của pháp luật. Đối tượng được giao khoán đất sản xuất (ông Lê Văn T) đã chấm dứt hợp đồng giao khoán (hết hạn) từ ngày 01/11/2017. Do đó, ông Lê Văn T yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P bồi thường thiệt hại số tiền 41.194.000 đồng (bốn mươi một triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn đồng) giá trị của 86 cây cao su trồng năm 2006 là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T là phù hợp.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: người khởi kiện ông Lê Văn T là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp án phí nên ông T không phải chịu án phí theo quy định.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều: 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116; Điều 134; khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với các yêu cầu hủy Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại, yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện P chấp nhận khiếu nại và yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện P bồi thường thiệt hại số tiền 41.194.000 đồng (bốn mươi một triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Lê Văn T không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc được niêm yết bản án hợp lệ./.

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Mỹ Trương Thị Thu Hà Nguyễn Minh T1**